**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY MÔ LỚN KÊU GỌI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH THANH HÓA**

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên dự án** | **Địa điểm đầu tư** | **Quy mô đầu tư/Nội dung dự án** | **Dự kiến** **tổng mức đầu tư** *(triệu USD)* | **Đầu mối liên hệ** |
|  | **TỔNG CỘNG (36 dự án)** |  |  | **5.068** |  |
| **I** | **Lĩnh vực công nghiệp** |  |  | **1.350** |  |
| **1** | Nhà máy sản xuất xơ, sợi tổng hợp | KKT Nghi Sơn | 100 nghìn tấn/năm | 500 | Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN |
| **2** | Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính | KCN Lam Sơn- Sao Vàng | 500.000 sản phẩm/năm | 250 |
| **3** | Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế | KCN Lam Sơn- Sao Vàng | Sản xuất, kinh doanh các sản phẩmvật tư y tế | 200 |
| **4** | Nhà máy sản xuất cao su tổng hợp | KKT Nghi Sơn | 50 nghìn tấn/năm | 200 |
| **5** | Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol | KKT Nghi Sơn | 600 nghìn tấn/năm | 150 |
| **6** | Nhà máy sản xuất nhựa đường | KKT Nghi Sơn | 200 nghìn tấn/năm | 50 |
| **II** | **Lĩnh vực hạ tầng đô thị, khu công nghiệp,** **cụm công nghiệp** |  |  | **1.482** |  |
| **7** | Xây dựng khu đô thị trung tâm Khu Kinh tế Nghi Sơn | KKT Nghi Sơn | 1.613 ha | 500 | Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN |
| **8** | Đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp tại các huyện | Các huyện | 5.000 ha | 200 | Sở Công Thương |
| **9** | Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN số 5 - KKT Nghi Sơn | KKT Nghi Sơn | 435 ha | 130 | Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN |
| **10** | Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN số 6 - KKT Nghi Sơn | KKT Nghi Sơn | 350 ha | 100 |
| **11** | Hệ thống xử lý nước thải KKT Nghi Sơn | KKT Nghi Sơn | Nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt: 17.000 m3/ngày đêm (đến năm 2020) | 100 |
| **12** | Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp thực phẩm tỉnh Thanh Hóa | Huyện Thọ Xuân | 200 ha | 100 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa |
| **13** | Hạ tầng khu công nghiệp xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc | Xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc | 150 ha | 65 | UBND huyện Ngọc Lặc |
| **14** | Đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp dệt may | Các huyện | 5 triệu sản phẩm/năm | 50 | Sở Công Thương |
| **15** | Khu Liên hợp TDTT tỉnh Thanh Hoá | TP. Thanh Hóa | 160 ha | 210 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch |
| **16** | Trung tâm văn hóa tỉnh | TP. Thanh Hóa | Đầu tư các hạng mục theo quy hoạch, diện tích khoảng 56,9ha | 27 |
| **III** | **Lĩnh vực du lịch** |  |  | **1.950** |  |
| **17** | Khu du lịch phía Đông đường ven biển huyện Quảng Xương | Huyện Quảng Xương | 300 ha | 700 | Sở Xây dựng  |
| **18** | Khu du lịch sinh thái Trường Lâm | KKT Nghi Sơn | 543 ha | 270 | Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN |
| **19** | Khu du lịch văn hóa lịch sử Thành Nhà Hồ | Huyện Vĩnh Lộc | 5.078 ha | 250 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch |
| **20** | Khu du lịch Lam Kinh | Huyện Thọ Xuân | 300 ha | 200 |
| **21** | Khu du lịch Hàm Rồng | TP. Thanh Hóa | 562 ha | 180 |
| **22** | Khu du lịch suối cá Cẩm Lương | Huyện Cẩm Thủy | 300 ha | 120 | Sở Xây dựng |
| **23** | Khu du lịch sinh thái Đảo Mê | KKT Nghi Sơn | Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng | 100 | Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN |
| **24** | Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế | KKT Nghi Sơn | Chất lượng 04 sao theo tiêu chuẩn quốc tế | 100 |
| **25** | Khu du lịch sinh thái thác Ma Hao | Huyện Lang Chánh | 400 ha | 30 | UBND huyện Lang Chánh |
| **IV** | **Lĩnh vực nông nghiệp** |  |  | **224** |  |
| **26** | Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp CNC Lam Sơn - Sao Vàng | Huyện Thọ Xuân | 800 - 1000 ha | 50 | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| **27** | Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm từ cây luồng gắn với phát triển vùng nguyên liệu | Huyện Quan Hóa | Công suất nhà máy 10.000 m3/năm; vùng nguyên liệu 20.000 ha | 35 |
| **28** | Khu nông nghiệp công nghệ cao | TP. Thanh Hóa | 300 ha | 30 |
| **29** | Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến dứa và hoa quả, gắn với vùng nguyên liệu | Huyện Hà Trung | Công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm; vùng nguyên liệu 3.000 ha các huyện: Hà Trung, Thạch Thành | 25 |
| **30** | Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm từ cây nứa, vầu gắn với phát triển vùng nguyên liệu. | Huyện Quan Sơn | Các sản phẩm mỹ nghệ xuất khẩu (dự kiến 2 -2,5 triệu sản phẩm/năm); sản phẩm nan thanh 20.000 tấn; sản phẩm nứa, vầu ghép tấm 2.000 m3; vùng nguyên liệu 20.000 - 25.000 ha | 22 |
| **31** | Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau, củ, quả gắn với vùng nguyên liệu | Huyện Hoằng Hóa | Công suất 20.000 tấn/năm; vùng nguyên liệu 2.000 ha các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa | 20 |
| **32** | Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Thủy sản | Huyện Tĩnh Gia | Công suất nhà máy 20.000 tấn/năm | 15 |
| **33** | Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Thủy sản | Huyện Hậu Lộc | Công suất nhà máy 20.000 tấn/năm | 15 |
| **34** | Dự án nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè trên vùng biển đảo Hòn Mê | Huyện Tĩnh Gia | Quy mô 88 ha (nuôi tôm hùm 15 ha, nuôi cá biển 73 ha) | 12 |
| **V** | **Lĩnh vực Y tế** |  |  | **102** |  |
| **35** | Bệnh viện chấn thương chỉnh hình tỉnh Thanh Hóa | TP. Thanh Hóa | 300 giường bệnh | 30 | Sở Y tế |
| **36** | Bệnh viện Quốc tế Thanh Hóa | TP. Thanh Hóa | Dự kiến quy mô 500 giường bệnh | 32 |